

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn D.**
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.**

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thái Thị M, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: ấp Phú H B, xã Phú T A, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.
- Bị đơn: Anh Phan Văn D, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: ấp Phú H B, xã Phú T A, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 8 năm 2022, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, chị Thái Thị M, trình bày: Vào năm 2000, chị và anh Phan Văn D do hai bên gia đình mai mối đã đi đến hôn nhân; đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú T A, huyện Hồng N năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bên gia đình anh D. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung. Đến tháng 11 năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, hay cãi vã, anh D thường hay đánh

đập chi, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc như trước và từ đó ly thân đến nay, không hàn gắn tình cảm được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn D. Về con chung: Phan Quốc T, sinh năm 2003 và Phan Ngọc A, sinh ngày 16/01/2019. Chị M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phan Ngọc A, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, con chung Phan Quốc T đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn anh Phan Văn D đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng anh D không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án. Tại phiên tòa, anh D đồng ý ly hôn, thống nhất giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, nhưng anh phải được phép thăm nom con chung, nếu sau này chị M có chồng khác không nuôi dạy tốt thì phải giao lại cho anh nuôi. Về tài sản chung thống nhất tự thỏa thuận. Về nợ chung đề nghị chia đôi khoản tiền vay còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 20.000.000đ, nhờ mẹ anh làm thủ tục cho anh đứng tên vay mục đích để tôn nền nhà.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: **Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Thái Thị M được ly hôn với anh Phan Văn D. Về con chung: Giao con chung cho chị Thái Thị M nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không đề cập đến. Về nợ chung: Đề nghị tạm ngừng phiên tòa để đưa Ngân hàng Chính sách xã hội vào tham gia tố tụng giải quyết trong cùng vụ án.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Thái Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Thái Thị M và anh Phan Văn D được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều

9 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận tình ly hôn và việc nuôi con chung. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên công nhận thuận thuận tình ly hôn, chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D được quyền thăm nom con chung theo quy định. Đối với việc sau này chị M không nuôi con tốt như anh D trình bày thì anh có quyền khởi kiện thay đổi quyền nuôi con theo quy định chung.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[4] Về nợ chung: Tại phiên tòa, anh D mới có yêu cầu chia đôi nợ chung là khoản tiền vay của Ngân hàng Chính sách xã hội. Xét thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: *“Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”* và tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”*. Do đó, Hội đồng xét xử chưa xem xét trong vụ án này, đối với hợp đồng vay tài sản có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định chung.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận. Riêng đối với đề nghị tạm ngừng phiên tòa là không cần thiết nên không chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị M chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 200 và khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 55, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị M với anh Phan Văn D.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Chị Thái Thị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Ngọc A, sinh ngày 16/01/2019.

2.2. Anh Phan Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị M tự nguyện không yêu cầu.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án chưa xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thái Thị M chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004069 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/3/2023).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú